

Số: /QĐ-UB

Cao Ngạn, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận danh sách hộ nghèo, cận nghèo năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CAO NGẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung gian giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ công văn số 5369/UBND-LĐTĐXH ngày 21 tháng 11 năm 2023 của UBND thành phố Thái Nguyên Về việc công nhận kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 năm 2023;

Theo đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách hộ nghèo, cận nghèo định kỳ hàng năm trên địa bàn xã Cao Ngạn.

(Danh sách chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được công nhận tại Quyết định này(5)

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo, Thống kê và các công chức cấp xã liên quan, Trưởng các xóm và các hộ gia đình có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- UBND thành phố;
- Phòng LĐTĐXH thành phố;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Đoàn Việt Dũng

PHỤ LỤC

DANH SÁCH

Hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UB ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Cao Ngạn.)

STT	Họ và tên chủ hộ	Giới tính (Nam, Nữ)	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ (ghi theo thứ tự thôn/tổ)
I.	Hộ nghèo			
1	Vi Văn Sơn	Nam	08/10/1947	Ao Vàng
2	Phó Văn Sinh	Nam	01/01/1955	Cầu Đá
3	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	13/04/1966	Cổ Rùa
4	Vũ Thị Nguyên	Nữ	24/11/1979	Cổ Rùa
5	Nguyễn Quang Ngọ	Nam	05/10/1943	Gò Chè
6	Hoàng Thị Phúc	Nữ	01/01/1941	Gò Chè
7	Vũ Thị Mai	Nữ	01/01/1940	Gò Chè
8	Nguyễn Thị Lự	Nam	10/03/1946	Gò Chè
9	Nguyễn Thị Minh	Nữ	09/04/1958	Gò Chè
10	Nguyễn Thị Nhị	Nữ	01/01/1931	Gò Chè
11	Lê Văn Huân	Nam	15/01/1971	Gốc Vôi 1
12	Phạm Thị Hằng	Nữ	14/04/1957	Gốc Vôi 2
13	Lê Thị Lộc	Nữ	01/07/1947	Hội Hiếu
14	Nguyễn Thị Bé	Nữ	01/11/1957	Hội Hiếu
15	Nguyễn Thanh Trọng	Nam	19/02/2006	Hội Hiếu
16	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	28/12/1962	Làng Vàng
17	Tô Thị Lệ	Nữ	06/10/1983	Phúc Lộc
18	Nguyễn Thị Hiên	Nữ	22/02/1963	Quyết Thắng
19	Phạm Thị Hiền	Nữ	01/01/1965	Tân Phong
20	Vi Thị Hàn	Nữ	01/01/1948	Tân Phong

21	Nguyễn Thị Thu	Nữ	01/01/1941	Tân Phong
22	Nông Thị Nhi	Nữ	16/10/1960	Tân Phong
23	Lục Thị Sin	Nữ	13/10/1939	Thác Lở
24	Nguyễn Thị Lan	Nam	20/03/1960	Thác Lở
25	Đặng Thị Tý	Nữ	28/09/1972	Thác Lở
26	Hà Thị Ngọt	Nữ	27/03/1981	Thác Lở
27	Trương Thị Bấy	Nữ	23/04/1973	Thác Lở
28	Lương Thị Xuân	Nữ	19/07/1975	Thác Lở
29	Lê Thị Sáu	Nữ	23/12/1972	Thác Lở
30	Nguyễn Sơn Hải	Nam	04/05/1973	Xóm Hợp Thành
31	Nguyễn Thị Mai	Nữ	01/01/1952	Xóm Hợp Thành
32	Bùi Thị Trọng	Nữ	10/02/1953	Xóm Hợp Thành
33	Ngô Thị Nguyên	Nữ	15/02/1945	Xóm Hợp Thành
34	Lương Thị Hoa	Nữ	08/09/1959	Xóm Hợp Thành
35	Vi Văn Phương	Nam	01/01/1942	Xóm Hợp Thành
36	Trần Đức Huy	Nam	01/02/1956	Xóm Hợp Thành
37	Dương Thanh Tùng	Nam	28/02/1989	Xóm Vải
38	Lương Thị Địa	Nữ	01/01/1952	Xóm Vải
II.	Hộ cận nghèo			
	Hộ cận nghèo			
1	Lương Thị Hiền	Nữ	14/12/1963	Ao Vàng
2	Bằng Thị Xuân	Nữ	23/04/1933	Ao Vàng
3	Lý Thị Mần	Nữ	04/08/1952	Cầu Đá
4	Triệu Thị Loạn	Nữ	01/11/1948	Cầu Đá
5	Nguyễn Thị Đáng	Nữ	12/05/1970	Cổ Rùa
6	Phạm Thị Hẽ	Nữ	01/01/1953	Cổ Rùa
7	Nguyễn Thị Quy	Nữ	02/10/1943	Cổ Rùa
8	Đinh Thị Hằng	Nữ	14/06/1945	Cổ Rùa

9	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	01/05/1979	Cổ Rùa
10	Đoàn Văn Thái	Nam	22/02/1956	Gốc Vối 1
11	Nguyễn Thị Bông	Nữ	01/01/1945	Hội Hiếu
12	Phí Thị My	Nữ	01/01/1957	Hội Hiếu
13	Phạm Thị Bình	Nữ	27/07/1952	Tân Phong
14	Trương Văn Tinh	Nam	17/06/1965	Gò Chè
15	Dương Văn Sơn	Nam	04/09/1979	Làng Vàng
III.	Tổng cộng (I + II): 53 hộ			

(1): Tên xã/ phường/ thị trấn.

(2): Hộ nghèo, hộ cận nghèo/ hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo/ hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

(3): Thường trực Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã hoặc cá nhân khác theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

(4): Định kỳ hằng năm/ thường xuyên hằng năm.

(5): Chỉ áp dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.

(6): Nghèo/ thoát nghèo/ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

(7): Cận nghèo/ thoát cận nghèo.